

Thứ tư, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index chấm dứt chuỗi tăng điểm 8 phiên liên tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/7/2023		•	
Tuần 17/7-21/7/2023		•	
Tháng 07/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index hôm nay giằng co quanh ngưỡng 1,175 và kết phiên tại 1,172.98 điểm, gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Y tế dẫn đầu đà tăng, ngoài ra ngành Bảo hiểm cũng có một phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Sự giằng co tại vùng giá cao có thể tiếp diễn trong ít phiên tới để VN-Index tích lũy và bật lên những ngưỡng kháng cự tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, trừ HĐTL VN30F2312 và VN30F2309. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/7/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

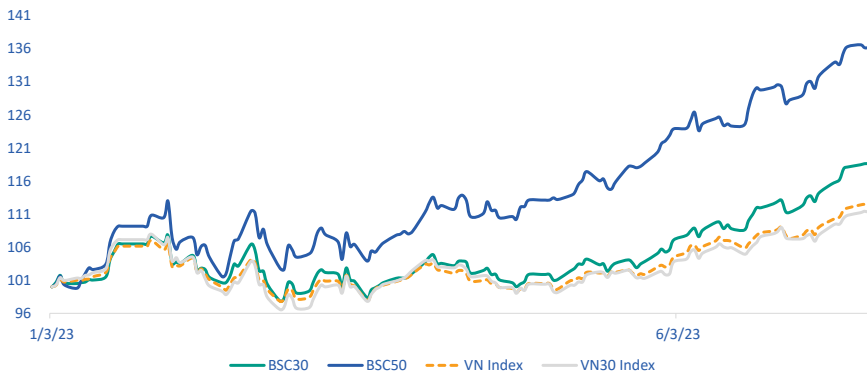
Điểm nhấn:

- VN-Index **-1.11** điểm, đóng cửa **1172.98** điểm. HNX-Index **+0.51** điểm, đóng cửa **231.47** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.64)**, **DHG (+0.3)**, **HPG (+0.3)**, **HDB (+0.27)**, **MWG (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.58)**, **BID (-0.58)**, **VPB (-0.51)**, **GAS (-0.44)**, **VHM (-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,477** tỷ đồng, tăng **4.2%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,686 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 5.57 điểm. Thị trường có **185** mã tăng, 67 mã tham chiếu, **276** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **226.98** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (90.19 tỷ)**, **VHM (79.92 tỷ)**, **HPG (68.71 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **71.74** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **1.17%**. Các mã diễn biến tích cực: **VCB (+2.11%)**, **IDC (+1.82%)**, **MWG (+0.94%)**
- BSC50 **+1.31%**. Các mã diễn biến tích cực: **SZC (+6.97%)**, **HDB (+2.53%)**, **DRC (+2.00%)**

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX 1172.98

Giá trị: 15476.78 tỷ **-1.11 (-0.09%)**

Khối ngoại (ròng): 226.98 tỷ

HNX-INDEX 231.47

Giá trị: 1626.97 tỷ **0.51 (0.22%)**

Khối ngoại (ròng): 71.74 tỷ

UPCOM-INDEX 87.13

Giá trị: 708.8 tỷ **0.11 (0.13%)**

Khối ngoại (ròng): -3.61 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.6	2.00%
Giá vàng	1,978	1.21%
Tỷ giá USD/VND	23,704	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,527	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	16,939	-1.00%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	0.13%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	90.19	VCB	-114.49
VHM	79.92	MSN	-42.05
HPG	68.71	TPB	-39.63
SSI	31.94	VHC	-27.03
MWG	31.61	DBC	-24.24

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.63	2.00%	1.07%	6.24%	-22.39%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	79.77	1.61%	0.46%	4.87%	-22.47%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.71	2.91%	3.27%	2.15%	-14.53%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.61	4.07%	-4.28%	-1.25%	-63.44%		
TTF Gas	EUR/MWh	27.07	7.84%	-6.85%	-22.43%	-82.47%		
Vàng	Ounce	1978.46	1.21%	2.41%	1.45%	15.63%		PNJ
Bạc	Ounce	25.05	0.78%	8.43%	4.63%	33.71%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1492.00	0.54%	1.39%	1.50%	8.47%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	13.86	0.22%	-0.86%	-7.23%	-38.51%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	129.20	0.00%	-1.97%	-3.00%	-18.38%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	23.86	0.25%	1.40%	-9.00%	26.65%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	LB	155.25	-0.16%	-2.54%	-12.51%	-29.56%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	387.50	3.33%	5.44%	28.95%	-46.37%		DPM, DCM
Niken	LB	20810.00	-2.76%	-0.03%	-7.11%	1.00%		PC1
Đồng	LB	3.82	-0.41%	1.67%	0.77%	15.87%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3678.00	-0.89%	0.38%	-2.65%	-3.87%		HPG
Nhôm	Ton	2206.00	-2.17%	1.73%	-1.56%	-7.54%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	115.50	-1.28%	6.94%	-1.28%	14.36%	HPG	
Than đá	Ton	131.10	-0.42%	-1.94%	2.14%	-66.90%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu tăng hơn 1%, sau khi Trung Quốc cho biết sẽ hành động để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế tại nước nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới, kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ ngừng tăng lãi suất sớm và dự báo sản lượng dầu thô của Mỹ giảm.

Giá vàng

• Giá vàng tăng 1% lên mức cao nhất hơn 1 tháng, được thúc đẩy bởi đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm, khi các nhà đầu tư đặt cược rằng các chỉ số kinh tế gần đây của Mỹ tạo cơ sở cho Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tạm ngừng tăng lãi suất.

Giá quặng sắt

• Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên và Singapore đều tăng, được thúc đẩy bởi gia tăng kỳ vọng các biện pháp kích thích hơn nữa từ Trung Quốc, sau số liệu kinh tế thấp hơn so với dự kiến.
• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên tăng 0.66% lên 845 CNY (117.83 USD)/tấn, sau khi giảm trong phiên trước đó. Đồng thời, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 8/2023 trên sàn Singapore tăng 0.98% lên 113.6 USD/tấn.

Giá hàng hóa khác

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2023 trên sàn ICE tăng 0.6% lên 23.92 US cent/lb. Đồng thời, giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2023 trên sàn London tăng 0.3% lên 671.7 USD/tấn.

	19/7	% 19/7	18/7	% 18/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1172.98	-0.09%	1174.09	13.04%	1.63%	6.11%
S&P 500			4554.98	0.71%	2.61%	4.17%
HDTL S&P500	4589.50	0.04%	4587.75	8.59%	1.82%	2.64%
Shang-hai	3198.84	0.03%	3197.82	-2.22%	0.08%	-1.66%
Euro Stoxx	4384.24		4369.73	2.10%	0.55%	0.50%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/7/2023	ELC	14.8	16.9	13.8	15.0	8	1.69%	Có thể tiếp tục mua
23/5/23	REE	61.5	70.0	58.0	65.0	57	5.78%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

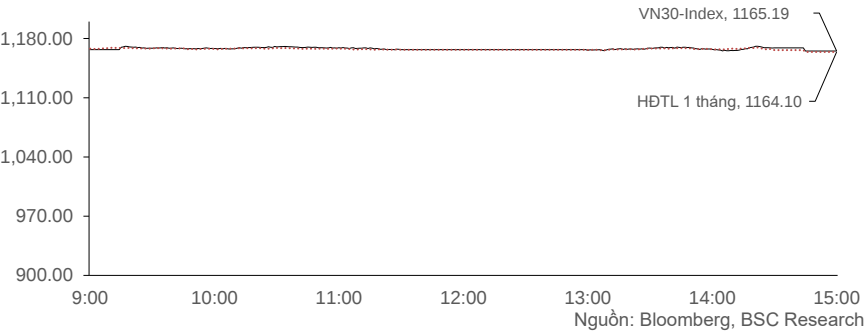
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/5/2023	CTD	64.6	72	61	TP	56	11.46%
27/4/23	VG	11.6	13.5	10.65	TP	75	16.38%
16/3/23	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
8/3/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
7/3/23	HPG	21.1	25	19.8	TP	107	18.48%
2/3/23	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích: Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	3.74%	0.00%	3.74%	33
Cổ phiếu đã chốt	256	232	7.01%	-7.45%	4.08%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1151.50	0.24%	-13.69	23.1%	48	12/21/2023	157
VN30F2307	1164.10	-0.08%	-1.09	-13.8%	123,478	7/20/2023	3
VN30F2308	1161.80	-0.03%	-3.39	71.8%	19,578	8/17/2023	31
VN30F2309	1158.90	0.21%	-6.29	-70.7%	80	9/21/2023	66

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -1.63 điểm xuống 1165.19 điểm, biên độ dao động 5.88 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VIC, MBB, STB, và NVL đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 mất đà cuối phiên. Chỉ số kết phiên giảm nhẹ -0.14% so với phiên trước. Thanh khoản nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, trừ HĐTL VN30F2312 và VN30F2309. Xét về khối lượng, HĐTL VN30F2312 và VN30F2308 tăng, HĐTL VN30F2307 và VN30F2309 giảm. Xét về vị thế mở, HĐTL VN30F2312 và VN30F2307 giảm, HĐTL VN30F2308 và VN30F2309 tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2304	8/16/2023	28	2:1	500	44.31%	2,300	2,500	8.23%	2,292	1.09	23,360	23,000	27,400
CTCB2301	8/16/2023	28	3:1	900	38.60%	1,000	1,390	6.11%	955	1.46	53,159	30,000	32,300
CHPG2306	11/9/2023	113	3:1	401,100	44.31%	1,970	2,670	5.95%	2,644	1.01	23,300	20,000	27,400
CHPG2306	11/9/2023	113	3:1	401,100	44.31%	1,970	2,670	5.95%	2,644	1.01	23,300	20,000	27,400
CMWG2302	11/9/2023	113	6:1	498,500	40.19%	1,100	580	5.45%	663	0.87	22,200	50,000	48,500
CTCB2215	9/5/2023	48	4:1	304,100	38.60%	1,350	1,670	3.09%	1,520	1.10	53,060	26,500	32,300
CFPT2302	8/16/2023	28	10:1	26,400	19.66%	1,900	830	1.22%	16	50.33	89,600	85,000	78,500
CMWG2215	11/1/2023	105	10:1	25,700	40.19%	1,170	840	1.20%	637	1.32	19,740	45,000	48,500
CACB2208	9/5/2023	48	4:1	394,800	27.66%	1,100	1,330	0.76%	300	4.43	25,900	21,500	22,000
CMBB2211	8/31/2023	43	4:1	28,700	32.50%	2,120	70	0.00%	0	1,243.71	24,900	27,000	18,400
CHPG2302	9/27/2023	70	2:1	200	44.31%	1,000	4,120	0.00%	3,835	1.07	25,040	20,000	27,400
CVPB2302	8/16/2023	28	2:1	13,000	35.35%	2,470	1,580	-0.63%	1,124	1.41	29,160	18,600	20,650
CVIB2201	9/5/2023	48	1.87:1	8,500	33.72%	2,700	3,180	-0.93%	1,003	3.17	26,380	20,500	20,550
CSTB2224	9/5/2023	48	2:1	404,200	42.52%	1,640	4,300	-1.15%	4,191	1.03	103,200	20,000	28,250
CSTB2302	8/7/2023	19	2:1	22,600	42.52%	2,760	700	-2.78%	560	1.25	54,720	28,200	28,250
CACB2301	8/7/2023	19	2:1	183,600	27.66%	1,400	220	-4.35%	0	11,818.56	26,660	27,700	22,000
CVPB2212	8/31/2023	43	2.66:1	313,300	35.35%	4,500	120	-7.69%	37	3.27	27,620	24,644	20,650
CMSN2215	9/5/2023	48	10:1	185,900	36.18%	1,550	90	-10.00%	18	5.01	19,280	102,000	80,800
CVRE2216	8/31/2023	43	4:1	131,100	37.08%	1,700	210	-12.50%	118	1.78	31,020	31,000	27,950
CTCB2212	8/31/2023	43	4:1	172,900	38.60%	1,300	50	-16.67%	5	10.70	51,500	44,000	32,300

Tổng3,517,10037.18%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/7/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2305 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 7.55%. Giá trị giao dịch giảm -10.2%. CMWG2305 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.55%.
- CVIB2201, CVIB2301, CVNM2212, và CVPB2212 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2302, CHPG2306, CHPG2226, và CHPG2227 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2301, CSTB2224, CHPG2226, và CSTB2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	106.50	2.11	2.64	926200
DHG	138.80	6.93	0.30	219200
HPG	27.40	0.74	0.30	15.38MLN
HDB	16.85	2.53	0.27	3.32MLN
MWG	48.50	0.94	0.17	3.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	52.10	-1.14	-1	1.82MLN
BID	46.25	-0.96	-1	2.33MLN
VPB	20.65	-1.43	-1	22.97MLN
GAS	98.90	-0.90	0	526000
VHM	58.50	-0.51	0	2.22MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

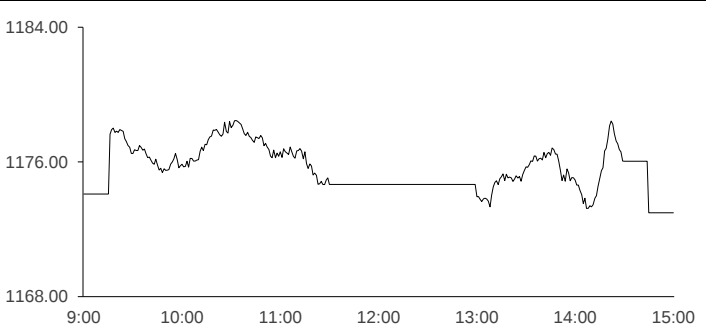
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTO	9.81	6.98	0.01	3.86MLN
LEC	7.36	6.98	0.00	2200
SZC	35.30	6.97	0.06	1.68MLN
BMP	101.60	6.95	0.14	536700
PVP	15.40	6.94	0.02	751100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	52.10	-1.14	-0.58	1.82MLN
BID	46.25	-0.96	-0.58	2.33MLN
VPB	20.65	-1.43	-0.51	22.97MLN
GAS	98.90	-0.90	-0.44	526000
VHM	58.50	-0.51	-0.33	2.22MLN

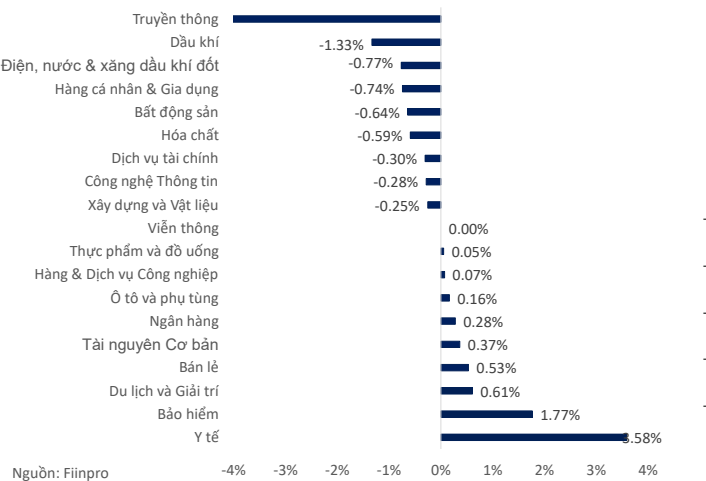
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	16.80	10.15	0.49	1.26MLN
THD	40.10	1.52	0.34	9700
IDC	44.80	1.82	0.30	7.89MLN
PVI	56.90	9.85	0.29	287600.00
BAB	14.30	1.42	0.24	16900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	14.10	-2.76	-0.33	247800
HTP	28.80	-10.00	-0.27	7200
DNP	24.50	-7.20	-0.24	6400
PVS	33.90	-1.74	-0.24	5.21MLN
HUT	20.10	-1.95	-0.22	2.96MLN

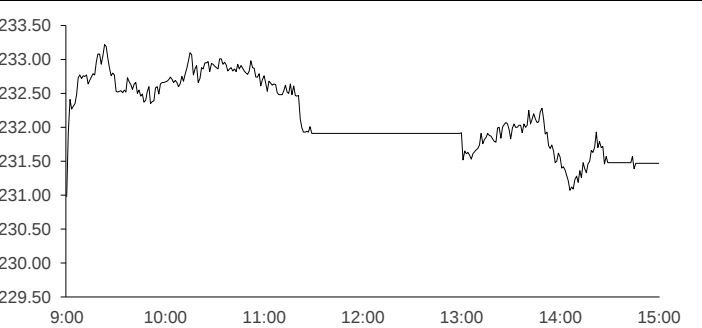
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	16.80	10.2	0.49	1.26MLN
THS	12.10	10.0	0.00	100
PHN	42.00	10.0	0.02	100
VE4	136.00	9.9	0.01	100
PVI	56.90	9.9	0.29	287600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

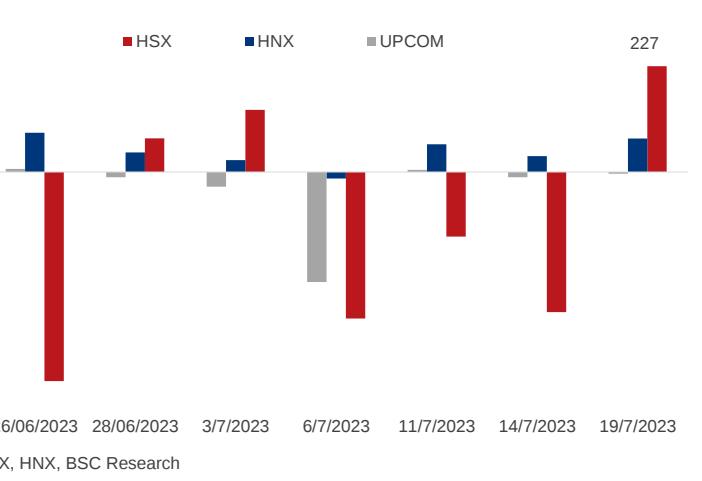
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTP	28.80	-10.00	-0.27	7200
SDN	49.00	-9.93	-0.01	600
KMT	10.00	-9.91	0.00	100
SDG	18.50	-9.76	0.00	1200
KST	14.40	-9.43	-0.01	300

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

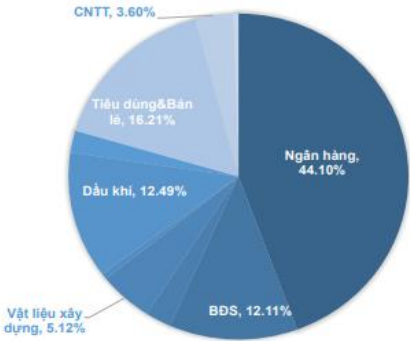
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	106.5	2.1%	0.8	21,914	4.3	7,311	14.6	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	46.3	-1.0%	1.0	10,172	4.7	4,208	11.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	20.7	-1.4%	1.1	6,027	20.8	3,972	5.2	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	32.3	0.0%	1.4	4,939	7.9	14,982	2.2		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.4	-1.1%	1.4	4,171	9.4	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	28.3	-0.7%	1.3	2,316	14.8	4,640	6.1	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	21.7	-0.7%	1.1	3,774	3.0	4,603	4.7	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	30.7	0.2%	1.6	1,025	9.9	4,880	6.3	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	44.8	1.8%	1.8	643	15.5			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	45.8	-0.7%	1.7	893	2.6	1,217	37.6		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.4	0.7%	1.0	6,927	18.3	1,916	14.3	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	58.5	-0.5%	0.9	11,075	5.7	1,896	30.9	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	28.0	-1.2%	1.1	2,761	9.4	5,227	5.3	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	32.2	-1.1%	0.4	1,004	3.4	1,576	20.4	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	37.4	-1.1%	1.6	625	5.8	2,557	14.6	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	71.0	0.3%	1.5	1,172	8.7	14,120	5.0	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	36.7	-0.9%	1.3	624	4.1	6,793	5.4	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	28.8	0.0%	0.8	662	6.8	2,625	11.0	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	98.9	-0.9%	0.7	8,230	2.3	2,292	43.2	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.1	-1.1%	1.1	2,215	2.5	1,340	29.9	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	33.9	-1.7%	1.2	704	7.7	993	34.1	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.0	-1.6%	1.4	603	6.4	7,698	3.2	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.3	-1.5%	1.1	1,354	3.5	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	72.6	0.3%	1.2	6,597	9.3	2,605	27.9	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	80.8	0.4%	1.2	5,027	4.8	3,456	23.4	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	48.5	0.9%	1.5	3,085	7.3	7,475	6.5	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.6	-1.4%	0.8	1,121	3.5	2,965	26.5	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	73.3	-3.3%	1.2	584	2.5	12,800	5.7	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	57.2	-0.9%	0.7	750	3.1	7,059	8.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	78.5	-0.3%	0.8	4,334	2.4	5,901	13.3	91,900	49.0%	Link

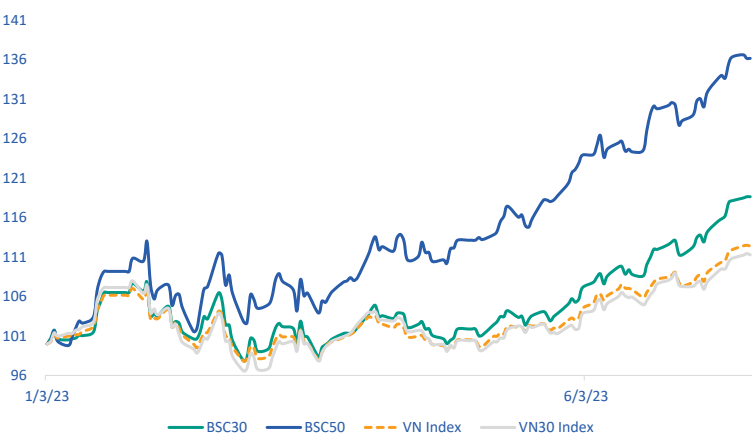
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.17%	1.31%	0.96%	1.22%
1 tuần	2.88%	3.59%	2.09%	1.76%
1 tháng	6.37%	7.16%	3.75%	3.84%
3 tháng	11.93%	19.57%	7.85%	6.10%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.9	0.2%	1.2	6,247	8.7	3,520	8.5	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.0	3,715	9.2	3,742	5.9	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	16.9	2.5%	0.9	2,119	2.4	2,738	6.2	1.2	19.5%	22.6%
LPB	Ngân hàng	16.3	0.9%	1.5	1,225	7.8	2,732	6.0	1.1	4.2%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	0.0%	1.3	2,267	4.7	3,469	5.9	1.6	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.1	-1.6%	2.0	958	14.5	489	37.0	1.5	23.2%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.7	-1.3%	1.1	1,790	7.7	2,895	6.5	1.2	29.2%	20.9%
SSI	chứng khoán	28.5	-0.2%	1.7	1,858	12.5	1,120	25.4	1.9		7.9%
CII	Xây dựng	19.3	0.3%	1.9	238	10.0	218	88.7	0.9	9.0%	1.0%
C4G	Xây dựng	14.3	0.0%	2.1	210	2.1	791	18.1	1.3	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	77.7	-1.0%	2.0	251	1.9	184	422.4	0.7	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.6	-1.6%	1.7	223	4.1	903	17.2	0.7	4.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.7	-1.8%	2.2	113	7.2	812	16.8	1.0	3.3%	6.1%
BCM	KCN	80.1	0.4%	0.9	3,605	1.1	1,170	68.4	4.9	2.7%	8.1%
HUT	KCN	20.1	-2.0%	1.5	305	2.6	162	124.2	1.8	1.9%	1.4%
PHR	KCN	51.3	0.0%	1.4	302	1.2	6,039	8.5	2.0	15.3%	24.1%
SZC	KCN	35.3	7.0%	1.9	184	2.6	1,103	32.0	2.7	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	17.4	0.6%	2.1	465	10.5	(1,694)		1.0	17.7%	-9.6%
HT1	Vật liệu	16.7	-1.5%	1.5	277	0.8	386	43.3	1.3	3.3%	2.9%
NKG	Vật liệu	19.1	-0.3%	2.3	218	8.8	(2,586)		1.0	10.1%	-11.8%
PTB	Vật liệu	52.8	0.0%	1.1	154	2.5	6,017	8.8	1.3	16.3%	15.7%
KSB	Vật liệu	31.0	0.5%	1.8	103	3.4	1,393	22.2	1.2	3.4%	5.6%
NVL	BDS	14.7	-2.3%	1.0	1,246	22.4	362	40.6	0.8	3.6%	1.9%
DXG	BDS	15.7	-4.0%	2.3	416	21.2	(240)		1.0	18.6%	-1.6%
HDC	BDS	36.5	-0.3%	1.5	214	3.5	2,526	14.5	2.6	1.9%	20.9%
DIG	BDS	23.0	-1.7%	2.6	609	40.2	262	87.7	2.1	5.6%	2.1%
IJC	BDS	14.6	-1.4%	2.0	160	1.4	1,662	8.8	0.9	6.3%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.9	-1.6%	1.4	2,413	6.7	4,750	3.8	1.1	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.7	0.9%	1.2	334	6.9	2,740	8.6	1.2	14.6%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.5	-0.5%	1.8	132	0.4	1,355	27.7	2.4	1.3%	8.2%
DRC	Tiện ích	23.0	2.0%	1.3	119	0.6	2,246	10.2	1.5	9.6%	14.4%
REE	Tiện ích	65.0	-0.5%	0.8	1,155	1.4	6,714	9.7	1.7	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	20.4	-0.7%	2.0	755	14.8	10	2042.9	1.5	11.7%	0.1%
NT2	Tiện ích	30.9	-0.2%	0.8	387	1.0	2,473	12.5	2.0	15.5%	20.9%
HDG	Tiện ích	32.0	-1.1%	1.7	425	1.2	3,775	8.5	1.7	24.9%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.3	1.8%	1.4	332	4.3	1,257	22.5	1.5	6.2%	6.8%
GEG	Tiện ích	15.2	0.7%	1.1	225	0.6	902	16.8	1.7	46.4%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.6	-1.9%	2.2	223	3.8	220	43.6	0.8	1.8%	1.5%
SAB	Bán lẻ	152.8	-0.2%	0.2	4,260	1.0	7,649	20.0	4.1	62.3%	22.1%
QNS	Bán lẻ	51.9	0.6%	0.6	805	1.9	4,226	12.3	2.1	17.0%	17.5%
FRT	Bán lẻ	77.0	-1.3%	1.6	456	3.4	1,620	47.5	5.2	33.2%	11.5%
DGW	Bán lẻ	49.4	0.7%	2.0	358	3.8	3,397	14.5	3.3	24.5%	24.7%
DBC	Bán lẻ	25.1	0.6%	2.1	264	7.5	(1,339)		1.4	7.7%	-7.2%
PET	Bán lẻ	28.9	-1.5%	2.3	124	0.9	1,026	28.2			4.3%
BAF	Bán lẻ	24.1	0.2%		150	2.0	1,409	17.1	1.8	0.1%	11.8%
ANV	Thủy sản	36.4	-1.4%	1.6	211	3.7	4,368	8.3	1.6	4.0%	20.1%
VSC	Logistics	36.6	1.0%	0.5	193	2.9	2,087	17.5	1.7	3.4%	9.4%
HAH	Logistics	48.4	0.0%	1.3	148	4.1	9,072	5.3	1.4	4.7%	34.4%
CTR	Công nghệ	74.0	-1.7%	1.4	368	0.6	4,040	18.3	4.8	10.2%	29.3%
TNG	Dệt may	20.7	1.0%	1.7	102	2.8	2,665	7.8	1.4	20.5%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639